



CÁI ÁC TRONG CẢI DỊCH NHỊ ĐỘ MAI TRUYỆN CỦA ĐẶNG XUÂN BẢNG: TRƯỜNG HỢP LƯ KỶ VÀ HOÀNG TUNG

THE REPRESENTATION OF EVIL IN DANG XUAN BANG'S ADAPTATION OF NHỊ ĐỘ MAI TRUYỆN: THE
CASE OF LU KY AND HOANG TUNG

Nguyễn Doãn Diễm*, Võ Thị Ngọc Thúy, Trịnh Đức Thỏa

Trường Sư phạm Huế, Đại học Huế

Email: nddien@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.02-e.888>

Ngày nhận bài: 09/02/2026

Ngày phản biện: 17/03/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

TÓM TẮT

Cải dịch Nhị độ mai truyện của Đặng Xuân Bảng là một văn bản truyện thơ Nôm ít được biết đến và hầu như chưa trở thành đối tượng của các nghiên cứu chuyên biệt. Trên cơ sở phương pháp so sánh văn bản kết hợp với phân tích diễn ngôn, bài viết khảo sát hình tượng hai nhân vật phản diện Lư Kỷ và Hoàng Tung trong tương quan với Nhị độ mai nhằm làm rõ những phương diện kế thừa và cải biến trong quá trình cải dịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy Đặng Xuân Bảng về cơ bản vẫn bảo lưu mô hình gian thần truyền thống và kết cấu “ác giả ác báo” của văn bản nguồn, nhưng đã mở rộng miêu tả tâm lý, gia tăng tính kịch và nhấn mạnh hơn mối quan hệ giữa cái Ác với quyền lực chính trị. Đồng thời, tác phẩm kiến tạo cái Ác thông qua các diễn ngôn về quyền lực, pháp luật và lợi ích triều đình, qua đó cho thấy cơ chế hợp thức hóa các hành vi phi nghĩa. Đặc biệt, quá trình trừng phạt gian thần được đặt trong một quy trình mang tính pháp chế tương đối hoàn chỉnh, phản ánh sự gia tăng của ý thức pháp lý và tư duy về công lý trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Cải dịch Nhị độ mai truyện, cái Ác, quyền lực, truyện thơ Nôm bác học

ABSTRACT

The Revised Tale of Nhị Độ Mai (Cải dịch Nhị độ mai truyện) by Đặng Xuân Bảng is a little-known Nôm verse narrative that has received scant scholarly attention. Employing a combination of comparative textual analysis and discourse analysis, this article examines the two villainous characters, Lư Kỷ and Hoàng Tung, in relation to the source text Nhị độ mai, with the aim of identifying both continuity and transformation in the process of adaptation. The findings indicate that, while Đặng Xuân Bảng largely preserves the traditional archetype of corrupt ministers and the moral pattern of “evil begets retribution” inherited from the source text, he simultaneously expands psychological characterization, heightens dramatic intensity, and places greater emphasis on the relationship between evil and political power. Furthermore, the work constructs evil through discourses of power, law, and state interests, thereby revealing the mechanisms by which immoral acts are legitimized. Notably, the punishment of the villains is embedded within a relatively coherent legal process, reflecting an increasing awareness of legality and a more pronounced conception of justice in Vietnamese literature of the late nineteenth and early twentieth centuries.

Keywords: Cải dịch Nhị độ mai truyện; Nhị độ mai; Lư Kỷ; Hoàng Tung; discourse of power; justice; Nôm verse narrative.

MỞ ĐẦU

Nhị độ mai là một trong những cốt truyện có sức ảnh hưởng sâu rộng trong văn học Đông Á và đã được tiếp nhận, chuyển dịch, cải biên dưới nhiều hình thức khác nhau trong văn học Việt Nam. Trong dòng tiếp nhận ấy, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* của Đặng Xuân Bảng là một trường hợp đáng chú ý, vừa kế thừa khung cốt

truyện truyền thống, vừa có những điều chỉnh nhất định trong cách tổ chức tự sự và xây dựng nhân vật.

Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* hiện vẫn chưa có bản phiên âm, dịch thuật sang chữ Quốc ngữ được công bố đầy đủ và hầu như chưa trở thành đối tượng của các nghiên cứu chuyên biệt trong

giới học thuật. Vì vậy, nhiều phương diện của tác phẩm, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng nhân vật phản diện và những biến đổi của văn bản trong quá trình cải dịch, vẫn chưa được nhận diện và lý giải một cách hệ thống.

Từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tập trung khảo sát hình tượng Lư Kỉ và Hoàng Tung trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện* trên cơ sở đối chiếu với *Nhị độ mai*, nhằm làm rõ những phương diện kế thừa và cải biến trong việc xây dựng hai nhân vật phản diện, đồng thời nhận diện cách thức tác phẩm kiến tạo diễn ngôn quyền lực và quan niệm về công lý thông qua quá trình trừng phạt cái Ác.

Bài viết sử dụng phương pháp so sánh văn bản nhằm đối chiếu *Cải dịch Nhị độ mai truyện* với *Nhị độ mai* trên các phương diện nhân vật, tình tiết và diễn ngôn nghệ thuật. Phương pháp này giúp nhận diện những yếu tố kế thừa và những điểm cải biến trong cách xây dựng hình tượng Lư Kỉ, Hoàng Tung, đồng thời làm rõ những điều chỉnh về quan niệm quyền lực, công lý và sự trừng phạt cái Ác trong bản cải dịch.

Ngoài ra bài viết còn vận dụng phân tích diễn ngôn để khảo sát cách thức ngôn ngữ quyền lực và ngôn ngữ pháp lý được kiến tạo trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, qua đó làm rõ các chiến lược hợp thức hóa cái Ác và quá trình xác lập công lý trong tác phẩm.

1. Lư Kỉ và Hoàng Tung trong tương quan với *Nhị độ mai*: kế thừa và cải biến

Xét trong tương quan với *Nhị độ mai*, có thể nhận thấy *Cải dịch Nhị độ mai truyện* của Đặng Xuân Bảng về cơ bản vẫn bảo lưu hệ thống nhân vật và cấu trúc xung đột của văn bản nguồn. Lư Kỉ và Hoàng Tung tiếp tục được xây dựng như những đại diện tiêu biểu của thế lực gian thần, đối lập với các nhân vật trung nghĩa như Mai Bá Cao, Khâu Khôi và Hạnh Nguyên. Tuy nhiên, nếu ở bình diện cốt truyện, Đặng Xuân Bảng chủ yếu kế thừa nguyên tác thì ở bình diện nghệ thuật biểu hiện, ông đã có những điều chỉnh đáng chú ý trong cách khắc họa hai nhân vật phản diện, đặc biệt ở phương thức miêu tả tâm lý, gia tăng tính kịch và nhấn mạnh hơn mối quan hệ giữa cái Ác với quyền lực và thiết chế công quyền.

Trước hết, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* kế thừa gần như nguyên vẹn mô hình gian thần lộng quyền của *Nhị độ mai*. Ngay từ đầu tác phẩm, *Nhị độ mai* đã xác lập bản chất của Lư Kỉ như một quyền thần tham tàn và bài xích trung lương:

*Bấy lâu Lư Kỉ tướng công,
Tuy quyền tước lớn, mà phong độ hèn.
Túi tham của đút chặt lên,
Dung bên gian đảng, ghét bên hiền tài.*
(Dòng 33- 36)

Ở một đoạn khác, nhân vật tiếp tục được mô tả:

*Họ Lư cưu dạ tham tàn,
Rình như miếng mồi, những toan hại người.*
(Dòng 177 – 178)

Những câu thơ này đã khái quát đầy đủ chân dung của một gian thần điển hình trong văn học trung đại: tham lam, chuyên quyền và xem việc hãm hại người hiền là phương thức củng cố quyền lực. Đồng thời, Hoàng Tung xuất hiện như cánh tay đắc lực của Lư Kỉ, cùng tham gia vào mọi âm mưu chính trị của phe gian thần:

Bên màn Lư Kỉ, kẻ ngồi nỉ non. (Dòng 400)

Trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, Đặng Xuân Bảng không thay đổi vai trò tự sự của hai nhân vật này. Bản chất chuyên quyền của Lư Kỉ tiếp tục được thể hiện qua những phản ứng đầy áp chế:

Họ Lư nổi giận bằng đường sấm vang. (Dòng 1198)
hoặc:

Càng thêm nổi giận họ Lư. (Dòng 1205)

Trong khi đó, Hoàng Tung vẫn hiện lên như một nhân vật đồng lõa, chủ động tham gia vào những toan tính của phe quyền thần:

*Họ Hoàng ngô thâu cơ quan,
Rằng con lòng cũng muốn toan một điều.*
(Dòng 1043 – 1044)

Sự tương đồng này cho thấy Đặng Xuân Bảng không có chủ đích tái cấu trúc hệ thống nhân vật phản diện, mà chủ yếu kế thừa mô hình gian thần của nguyên tác để triển khai những quan tâm nghệ thuật riêng.

Sự kế thừa ấy còn thể hiện rõ trong việc bảo lưu mô-típ lạm dụng quyền lực nhằm bức hại trung lương. Trong *Nhị độ mai*, khi Khâu Khôi từ chối cuộc hôn nhân do phe gian thần

sắp đặt, Lư Ki lập tức sử dụng quyền lực của mình để tiến hành truy bắt:

*Lư công nổi giận còn còn,
Kíp sai lính mã đồ dồn tìm quanh.*

(Dòng 2195 – 2196)

Không dừng lại ở đó, nhân vật còn giả truyền thánh chỉ để truy sát cả gia tộc Mai Bá Cao:

*Lư công mạo chỉ truyền ra,
Đến Thường Châu nã một nhà họ Mai.*

(Dòng 475 – 476)

Những hành động trên cho thấy quyền lực trong tay Lư Ki đã trở thành công cụ phục vụ cho tư thù cá nhân. Đáng chú ý là tình tiết này được Đặng Xuân Bảng bảo lưu gần như nguyên vẹn:

*Họ Lư nổi giận bằng đường sấm vang,
Truyền nã tổng ngục trường.* (Dòng 1198 – 1199)

Sự tương đồng về cốt truyện cho thấy những biểu hiện lạm quyền của Lư Ki không phải là sáng tạo riêng của *Cải dịch Nhị độ mai truyện*. Vì vậy, việc khẳng định Đặng Xuân Bảng đã kiến tạo hoàn toàn mới hình tượng cái Ác từ góc độ quyền lực và thể chế là điều cần được cân nhắc thận trọng. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa bản cải dịch hoàn toàn lặp lại nguyên tác.

Điểm khác biệt đáng chú ý nhất nằm ở phương thức khắc họa nhân vật. So với *Nhị độ mai*, bản cải dịch có xu hướng mở rộng các trường đoạn đối thoại và gia tăng miêu tả tâm lý, đặc biệt ở giai đoạn quyền lực của Lư Ki và Hoàng Tung bắt đầu sụp đổ. Trong *Nhị độ mai*, tác giả chủ yếu thuật lại tiến trình sự kiện:

*Lư, Hoàng khi ấy những lời tâu sai.
Ngược lại, Cải dịch Nhị độ mai truyện đi sâu hơn vào trạng thái tinh thần của nhân vật:*

Họ Lư giấc điệp không yên. (Dòng 1265)

*Lư Hoàng xem ý cũng chôn
Lẳng tai nghe việc ngồi run so hình.*

(Dòng 1383 – 1384)

Họ Lư ngã rấp bỏ hơi rờn rờn. (Dòng 1490)

Hoàng Tung cúi mặt so hình. (Dòng 1495)

Những câu thơ này đã khắc họa trực tiếp sự hoảng loạn, sợ hãi và bất lực của những kẻ từng nắm giữ quyền lực tối cao. Nếu trong nguyên tác, Lư Ki và Hoàng Tung chủ yếu là những

nhân vật chức năng, vận hành như các tác nhân tạo xung đột cho cốt truyện, thì ở bản cải dịch, họ đã có thêm chiều sâu tâm lý và tính cá thể hóa rõ nét hơn.

Bên cạnh đó, Đặng Xuân Bảng còn gia tăng tính kịch của quá trình sụp đổ của phe gian thần. Trong *Nhị độ mai*, việc xét xử và hành hình được thuật lại khá ngắn gọn:

*Phán rằng: Tung, Kỳ hại liên bấy lâu,
Truyền đem chính pháp bêu đầu.* (Dòng 2385 – 2386)

Trong khi đó, Cải dịch *Nhị độ mai truyện* mở rộng toàn bộ tiến trình tố tụng:

Một bên nhị phạm Lư, Hoàng. (Dòng 1405)

Truyền Lư tướng lại lựa lời hỏi tra. (Dòng 1408)

Lư Hoàng tổng ngục đã rồi. (Dòng 1501)

Lư Hoàng vừa lúc cách hình. (Dòng 1555)

Việc kéo dài quá trình xét xử, giam giữ và hành hình không làm thay đổi kết cục của cốt truyện nhưng đã làm tăng đáng kể tính hiện thực và tính kịch của tác phẩm. Đặc biệt, sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ như *nhị phạm*, *hỏi tra*, *tổng ngục*, *cách hình*, *chấp pháp*... cho thấy bản cải dịch có xu hướng nhấn mạnh hơn đến tính chất pháp lý của quá trình trừng phạt cái Ác.

Như vậy, trong tương quan với *Nhị độ mai*, có thể thấy Đặng Xuân Bảng không sáng tạo ở bình diện cốt truyện hay mô hình nhân vật. Lư Ki và Hoàng Tung vẫn là những gian thần tham tàn, lạm quyền và cuối cùng phải đền tội theo mô-típ “ác giả ác báo” quen thuộc của văn học trung đại. Tuy nhiên, thông qua việc mở rộng đối thoại, gia tăng miêu tả tâm lý, tăng cường tính kịch và nhấn mạnh hơn diễn ngôn pháp lý, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* đã làm cho hình tượng hai nhân vật phản diện trở nên sinh động, cụ thể và giàu tính hiện thực hơn. Những điều chỉnh này không làm thay đổi cấu trúc cơ bản của nguyên tác, nhưng cho thấy nỗ lực của Đặng Xuân Bảng trong việc tái tổ chức ý nghĩa của hình tượng phản diện và làm mới một cốt truyện đã quen thuộc trong truyền thống truyện thơ Nôm Việt Nam.

2. Diễn ngôn quyền lực và chiến lược hợp thức hóa cái Ác

Một trong những phương diện nổi bật trong nghệ thuật xây dựng hình tượng phản diện của

Cải dịch Nhị độ mai truyện là việc cái Ác không xuất hiện như một biểu hiện thuần túy của dục vọng cá nhân, mà được triển khai thông qua một hệ thống diễn ngôn quyền lực có khả năng tạo lập tính chính danh cho các hành vi phi đạo đức và phi nhân tính. Nói cách khác, cái Ác trong tác phẩm không vận hành ở dạng thức trực tiếp, mà luôn được che phủ bởi những ngôn từ nhân danh quốc gia, pháp luật, đạo lý và trật tự chính trị. Từ góc độ phân tích diễn ngôn, đây là quá trình mà quyền lực sử dụng ngôn ngữ như một công cụ kiến tạo chân lý, hợp pháp hóa bạo lực và tái sản xuất các quan hệ thống trị. Điều đáng chú ý là hiện tượng này đã xuất hiện trong *Nhị độ mai*, nhưng đến *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, Đặng Xuân Bảng đã gia tăng đáng kể tính kịch, tính cụ thể và chiều sâu của các chiến lược diễn ngôn ấy, qua đó làm nổi bật hơn mối quan hệ giữa cái Ác và sự lạm dụng quyền lực.

Trước hết, diễn ngôn quyền lực được kiến tạo trên cơ sở khẳng định tính tuyệt đối của địa vị chính trị. Trong *Nhị độ mai*, Lư Ki được giới thiệu như một quyền thần có khả năng thao túng toàn bộ triều đình:

*Chức trọng quyền cao,
Triều quan quá nửa ra vào làm tôi.
Ai ai khóa miệng bịt hơi,
Ngang vua phú quý, nghiêng trời uy linh.*
(Dòng 235 – 239)

Đoạn thơ không chỉ mô tả địa vị chính trị của nhân vật mà còn cho thấy một cơ chế quyền lực đã vượt ra khỏi giới hạn của thiết chế quân chủ thông thường. Sức mạnh của Lư Ki không nằm đơn thuần ở chức tước mà ở khả năng tạo ra sự im lặng tập thể; quyền lực của hắn trở thành một thứ quyền lực diễn ngôn, khiến người khác không dám nói, không dám phản kháng và cuối cùng chấp nhận trật tự mà hắn áp đặt. Trong ý nghĩa đó, quyền lực đã chuyển hóa thành công cụ kiểm soát nhận thức xã hội.

Tinh thần ấy tiếp tục được đẩy xa hơn trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*. Khi đứng trước Tam Pháp, Lư Ki không phủ nhận hoàn toàn hành vi lạm quyền của mình mà lại mặc nhiên xem đó là một đặc quyền gắn với địa vị chính trị:

*Thiện điều binh mà tội tôi đã đành,
Chẳng chờ phụng chỉ thánh minh,
Hành quyền thì có, quyền hành thì không.*

(Dòng 1422 – 1424)

Lời biện hộ này đặc biệt đáng chú ý bởi nó cho thấy một chiến lược diễn ngôn tinh vi: nhân vật thừa nhận hành vi vượt quyền nhưng đồng thời cố gắng tách biệt giữa “hành quyền” và “quyền hành”, qua đó làm mờ đi ranh giới giữa tội phạm và quyền lực chính trị. Xa hơn, Lư Ki còn công khai đòi hỏi một thứ “quyền miễn trừ” dựa trên thân phận chính trị của mình:

*Đây nay phủ bật đông cung,
Quan cư tể tướng nhất trong triều đình,
Dẫu mà làm lỗi tội tình,
Hạ quan đã dễ gia hình được sao.*

(Dòng 1433 – 1436)

Nếu trong *Nhị độ mai*, quyền lực chủ yếu được thể hiện qua khả năng thao túng triều đình, thì trong bản cải dịch, quyền lực đã được đẩy đến mức cực đoan hơn - trở thành cơ sở để nhân vật tự đặt mình lên trên pháp luật. Đây là một trong những điểm cho thấy Đặng Xuân Bảng có xu hướng nhấn mạnh hơn sự tha hóa của quyền lực chính trị.

Một diễn ngôn khác được hai tác phẩm khai thác là việc nhân danh lợi ích quốc gia để triệt hạ đối thủ chính trị. Trong *Nhị độ mai*, đề tiêu diệt Mai Bá Cao và Trần Đông Sơ, Lư Ki đã gán cho họ tội danh nghiêm trọng nhất trong hệ thống chính trị phong kiến:

Giao thông giặc Thát toan bầy nọ kia. (Dòng 424)

Sau đó, nhân vật tiếp tục sử dụng ngôn ngữ chính trị nhằm thuyết phục nhà vua:

*Rằng: “vì giặc Thát tìm đường hoãn binh”
Kíp truyền đao phủ chinh hình.* (Dòng 456 – 457)

Ở đây, tội danh phản quốc được sử dụng như một công cụ nhằm hợp pháp hóa hành vi thanh trừng chính trị. Điều đáng chú ý là cái Ác không biểu hiện dưới dạng bạo lực trực tiếp mà được che đậy dưới danh nghĩa “trung quân”, “an dân” và “bảo vệ xã tắc”. Chính việc nhân danh lợi ích công cộng đã khiến bạo lực cá nhân được chuyển hóa thành hành động có vẻ chính đáng.

Tương tự, trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, khi Khâu Khôi từ chối cuộc hôn nhân do phe Lư Ki sắp đặt, hành động mang tính cá nhân ấy lập tức bị diễn giải thành hành vi chống đối triều đình:

*Lư rằng sao dám thất nghị,
Tội kia đã đáng nào thì nên dung.*

(Dòng 1221 – 1222)

Ngay sau đó, Lư Ki điều động lực lượng quân sự:

*Năm trăm binh mã ngũ thành,
Một viên khâm phái vội trình ruổi theo.*

(Dòng 1207 – 1208)

Và việc bắt người được hợp thức hóa bằng ngôn ngữ công quyền:

*Hỏi sao mượn phép hôn này,
Lệnh quan sai bắt người rày chạy đâu.*

(Dòng 1213 – 1214)

Những câu thơ này cho thấy một đặc điểm đáng chú ý trong bản cải dịch: cái Ác được thực hiện thông qua toàn bộ bộ máy hành chính và quân sự của nhà nước. Quyền lực không chỉ là thuộc tính của cá nhân Lư Ki mà còn được mở rộng thành một mạng lưới quyền lực có khả năng huy động thiết chế công quyền phục vụ lợi ích riêng.

Đặc biệt, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* còn nhấn mạnh hơn đến khả năng chuyển hóa các quan hệ tư thành quan hệ công. Trong vụ ép hôn Khâu Khôi, Hoàng Tung đã dùng diễn ngôn về công danh và phú quý để hợp thức hóa hành vi cưỡng ép:

*Dân thì cấp bạc cấp vàng,
Quan thì hậu lộc ngôi sang bằng lòng.
Ông tơ đổi mối chỉ hồng,
Đã yên lòng chúng, lại xong việc mình.*

(Dòng 1143 – 1146)

Khi đối tượng không chấp thuận, lời khuyên lập tức chuyển thành sự đe dọa:

*Tướng gia nghe biết một khi,
Họa sinh bất trắc nữa thì chẳng xong.
Mười năm đèn sách uống công,
Lụy cha thêm lại phụ lòng dễ chơi.*

(Dòng 1155 – 1158)

Ở đây, quyền lực không còn vận hành thông qua cưỡng bức vật lý mà thông qua cơ chế tưởng thưởng và trừng phạt. Công danh, khoa cử và tương lai chính trị được sử dụng như những công cụ để ép buộc cá nhân phải phục tùng ý chí của kẻ thống trị.

Một biểu hiện khác của hợp thức hóa cái Ác là việc sử dụng diễn ngôn pháp luật như công cụ che giấu bạo lực. Trong *Nhị độ mai*, sau khi bắt được Khâu Khôi, Lư Ki lập tức gán cho nhân vật các tội danh mang tính chính trị:

*Rằng khinh phép nước, rằng chê lộc trời,
Truyền đem giam cầm một nơi.* (Dòng 2100 – 2101)

Cùng một logic ấy, bản cải dịch tiếp tục nhấn mạnh ngôn ngữ công quyền:

*Truyền giam tội viện trung,
Sáng mai ta sẽ bệ rồng tầu qua.*

(Dòng 1223 – 1224)

Như vậy, trong cả hai văn bản, pháp luật không hiện diện như một thiết chế bảo vệ công lý mà bị biến thành công cụ để hợp thức hóa quyền lực. Tuy nhiên, so với *Nhị độ mai*, bản cải dịch dành nhiều dung lượng hơn cho việc mô tả các thủ tục, mệnh lệnh và ngôn ngữ hành chính, qua đó làm nổi bật hơn quá trình “hành chính hóa” của cái Ác.

Đáng chú ý hơn cả là việc Đặng Xuân Bảng cho thấy cái Ác luôn nỗ lực kiến tạo một diễn ngôn tự biện minh. Tại phiên tòa Tam Pháp, Lư Ki vẫn tìm cách chối bỏ trách nhiệm:

*Tâu rằng công khí quyền hành,
Khoa này có lạm thì đành tội tôi.*

(Dòng 1343 – 1344)

Lời nói này vừa thừa nhận hành vi lạm quyền, vừa cố gắng giảm nhẹ tính chất của tội ác bằng cách xem nó như một sai sót trong quá trình thực thi công vụ. Đây chính là cơ chế nguy hiểm phổ biến của quyền lực, chuyển hóa hành vi có chủ đích thành một lỗi kỹ thuật hoặc hệ quả khách quan.

Từ những phân tích trên có thể nhận thấy, trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, cái Ác không được kiến tạo như một bản năng đạo đức suy đồi đơn lẻ mà gắn chặt với các chiến lược diễn ngôn của quyền lực. Những kẻ phản diện không hành động nhân danh cái Ác; ngược lại, chúng luôn nhân danh luật pháp, quốc gia, trung quân, công danh và trật tự để thực hiện các mục đích cá nhân. So với *Nhị độ mai*, Đặng Xuân Bảng không tạo ra một mô hình phản diện hoàn toàn mới, nhưng đã gia tăng đáng kể mức độ phức tạp của diễn ngôn quyền lực thông qua việc mở rộng các trường đoạn đối thoại, tăng cường ngôn ngữ hành chính - pháp lý và nhấn mạnh hơn sự thao túng của quyền lực đối với chân lý và công lý. Chính điều này đã làm cho hình tượng Lư Ki và Hoàng Tung vượt ra ngoài khuôn mẫu của những gian thần truyền thống để trở thành những biểu hiện sinh động của cái

Ác được hợp thức hóa bằng quyền lực và diễn ngôn.

3. Công lý và sự pháp lý hóa quá trình trừng phạt cái Ác

Nếu ở phần trước, cái Ác được kiến tạo thông qua diễn ngôn quyền lực và quá trình hợp thức hóa các hành vi phi nghĩa, thì ở chiều ngược lại, *Cải dịch Nhị độ mai* lại xây dựng một cơ chế phục hồi trật tự dựa trên sự kết hợp giữa quan niệm đạo đức truyền thống và tư duy pháp lý ngày càng được nhấn mạnh. Điều đáng chú ý là tác phẩm không xem việc tiêu diệt gian thần đơn thuần là hành vi báo thù cá nhân hay sự chiến thắng của chính nghĩa theo mô-típ anh hùng - hiệp nghĩa, mà từng bước đặt sự trừng phạt cái Ác trong một quy trình mang tính pháp chế, từ điều tra, xét xử, luận tội đến thi hành án và phục hồi công lý. So với *Nhị độ mai*, bản cải dịch có xu hướng gia tăng đáng kể tính thể chế của công lý, làm cho quá trình trừng trị cái Ác không chỉ mang ý nghĩa đạo đức mà còn mang ý nghĩa pháp lý và chính trị rõ nét hơn.

Trước hết, nền tảng của công lý trong cả hai văn bản vẫn được đặt trên niềm tin vào Thiên đạo và luật nhân quả. Trong *Nhị độ mai*, sự tồn tại của công lý được khẳng định như một chân lý mang tính siêu nghiệm:

*Tuần hoàn lẽ ấy chẳng xa,
Chớ đem nông nổi mà ngờ cao xanh.* (Dòng 5 – 6)

Hay:

*Gian tà đắc chí mấy hơi,
Mắt thần khôn giấu, lưới trời khôn dung.*
(Dòng 11 – 12)

Những câu thơ này cho thấy trong quan niệm truyền thống, sự thắng thế tạm thời của cái Ác không đồng nghĩa với sự chiến thắng cuối cùng của nó; phía trên luật pháp nhân gian vẫn tồn tại một trật tự đạo đức siêu việt bảo đảm cho sự vận hành của công lý. Tinh thần ấy tiếp tục được bảo lưu trong *Cải dịch Nhị độ mai* truyện:

*Cho hay minh kính bình hành,
Coi cân vật dị trốn tình được dẫu.*
(Dòng 1385 – 1386)

Và:

*Cho hay thiện ác tương quan,
Tới khi báo ứng khôn ngoan được nào.*

(Dòng 1557 – 1558)

Ở đây, công lý được đặt trong quan hệ nhân - quả, nơi mọi hành vi cuối cùng đều phải chịu sự phán xét của một trật tự đạo đức tối cao. Tuy nhiên, nếu *Nhị độ mai* có xu hướng nhấn mạnh nhiều hơn đến sự can thiệp của Thiên đạo, thì *Cải dịch Nhị độ mai* truyện lại chuyển trọng tâm sang cơ chế thực thi công lý của con người. Chính sự dịch chuyển này đã tạo nên một đặc điểm đáng chú ý trong tư duy nghệ thuật của Đặng Xuân Bảng.

Điểm nổi bật đầu tiên là việc cái Ác phải được đưa ra trước công đường thay vì bị giải quyết bằng bạo lực cá nhân. Trong vụ án Giang Khôi cướp Ngọc Thụ, nhân vật chính đã khẳng định nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật:

*Sinh rằng pháp có riêng ai,
Dẫu rằng vương tử phép đòi chẳng dung.*
(Dòng 93 – 94)

Đây là một phát ngôn có ý nghĩa đặc biệt bởi nó phủ nhận quan niệm đặc quyền của tầng lớp thống trị, đồng thời đề cao nguyên tắc phổ quát của pháp luật. Thay vì sử dụng bạo lực để giải quyết xung đột, nhân vật chủ động lựa chọn con đường tố tụng:

*Đến nơi công pháp mới đành,
Để cho khổ chủ đương đình kêu oan.*
(Dòng 79 – 80)

Ngay sau đó, cơ quan công quyền lập tức tiến hành bắt giữ và mở phiên xét xử:

*Giang Khôi thấy tờ một đoàn,
Bắt về giải nộp để quan thẩm hình.*
(Dòng 131 – 132)

Sự xuất hiện của những thuật ngữ như *công pháp*, *thẩm hình*, *nguyên đơn*, *công đình* cho thấy bản cải dịch đã dành sự quan tâm đặc biệt đến ngôn ngữ pháp lý và quy trình tố tụng, điều vốn không được nhấn mạnh trong nhiều truyện thơ Nôm trước đó.

Xu hướng pháp lý hóa công lý được thể hiện rõ nét hơn trong đại án Lư Kỉ và Hoàng Tung. Trong *Nhị độ mai*, mặc dù Hoàng đế có quyền lực tối cao, nhà vua không trực tiếp tuyên án mà giao vụ việc cho Tam Pháp Ty:

Giao Tam pháp nghị, rạch rời sẽ tâu. (Dòng 2262)

Sau đó, tác phẩm mô tả tương đối chi tiết cơ cấu xét xử:

*Phùng công Đô sát làm đầu,
Thứ nhì Đại lý, đến sau bộ Hình.*

(Dòng 2263 – 2264)

Chi tiết này cho thấy ngay trong nguyên tác đã xuất hiện ý thức nhất định về thủ tục pháp lý và sự phân công chức năng giữa các thiết chế tư pháp. Tuy nhiên, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* tiếp tục mở rộng phương diện này:

*Khi quân ngộ quốc mọi đường,
Giao cho tam pháp tra tường sẽ tâu.*

(Dòng 1401 – 1402)

Và:

Tam nha đông mặt ruổi mau pháp trường. (Dòng 1404)

Đặc biệt, Phùng công nhấn mạnh tính nghiêm minh của thủ tục xét xử:

*Rằng đây tam pháp sai nha,
Khâm tôn thánh chỉ chẳng là việc chơi.
Duyên do phải biện rạch ròi,
Ấn man thì nữa phép trời khôn kêu.*

(Dòng 1409 – 1412)

Có thể thấy, công lý trong bản cải dịch không còn mang dáng dấp của sự phán xử mang tính đạo đức đơn thuần mà được đặt trong một quy trình điều tra và thẩm tra chặt chẽ.

Sự pháp lý hóa ấy tiếp tục được thể hiện trong quá trình luận tội và thu thập chứng cứ. Trước sự quanh co của Lư Kỉ, Phùng công khẳng định:

Lòng người là sắt, phép công là lò. (Dòng 2342)

Đến bản cải dịch, lời phê phán còn trực tiếp hơn:

*Phùng rằng thần đạo chỉ trung,
Hành quyền ấy đã lỗi trong cương thường.*

(Dòng 1425 – 1426)

Điều đáng chú ý là việc xác định tội trạng không dừng lại ở những đánh giá mang tính đạo đức mà dựa trên chứng cứ và hồ sơ tố tụng. Trong *Nhị độ mai*, sau khi bị tra khảo, Lư Kỉ và Hoàng Tung phải khai nhận:

Xin khoan roi, để việc liền chiêu ra. (Dòng 2350)

Ngay sau đó:

*Ba tòa một mực truyền ban,
Sai nghiên bút lấy cung đoan mấy tờ.*

(Dòng 2353 – 2354)

Và hồ sơ được trình lên nhà vua:

*Phùng công tâu án Lư, Hoàng,
Phân minh trạng chỉ, rõ ràng tờ cung.*

(Dòng 2367 – 2368)

Các thuật ngữ như *cung đoan*, *trạng chỉ*, *tờ cung* cho thấy nhận thức tương đối rõ ràng về giá trị của chứng cứ văn bản trong quá trình định tội. Trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, nguyên tắc này tiếp tục được nhấn mạnh:

*Pháp tư một mực thẳng ngay,
Dấu gan thiết thạch dám rày chẳng chiều.*

(Dòng 1497 – 1498)

Như vậy, công lý trong tác phẩm được xây dựng trên cơ sở của một tiến trình pháp lý tương đối hoàn chỉnh, trong đó việc kết tội phải dựa trên điều tra, thẩm vấn và chứng cứ chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí cá nhân của nhà vua.

Đỉnh điểm của công lý là bản án tử hình và việc thi hành “chính pháp”. Trong *Nhị độ mai*, bản án được tuyên:

*Phán rằng: Tung, Kỉ hại liền bảy lâu,
Truyền đem chính pháp bêu đầu.* (Dòng 2385 – 2386)

Tiếp đó là việc hành hình công khai:

*Lư, Hoàng thực đã đáng tình,
Đem ra chính pháp hành hình một giây.*

(Dòng 2399 – 2400)

Chính pháp ở đây không đơn thuần là trừng phạt đối với gian thần mà là hành động tái lập trật tự chính trị và đạo đức của quốc gia. Trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, tính pháp lý của bản án được nhấn mạnh hơn:

*Tội này Lư Kỉ, Hoàng Tung đã nhiều,
Khi quân mại quốc mọi điều.* (Dòng 1542 – 1543)

Không chỉ tuyên tử hình, triều đình còn tịch thu gia sản và xử lý toàn bộ hậu quả pháp lý:

*Thị tào hiệu quyết co rồi,
Thê noa phát khiến gia tài tra thu.*

(Dòng 1545 – 1546)

Đồng thời, việc hành hình được công khai hóa:

*Ngộ môn chiếu chỉ đằng hoàng,
Răn bề gian nịnh, khuyên đường trung tình.*

(Dòng 1561 – 1562)

Như vậy, hình phạt không chỉ nhằm trừng trị cá nhân phạm tội mà còn mang chức năng giáo hóa và răn đe xã hội.

Tuy nhiên, công lý trong tác phẩm chưa dừng lại ở việc tiêu diệt cái Ác. Một phương diện quan trọng khác là quá trình phục hồi công bằng cho những người bị oan sai. Sau khi gian thần bị trừng trị, những người trung lương được minh oan và khôi phục danh dự:

Họ Trần tha tội, lại về chức xưa. (Dòng 2374)

Ban cho phục họ, phục tên. (Dòng 2389)

Trong bản cải dịch:

Kíp truyền hạ lệnh tha ngay,

Cho hoàn nguyên chức bổ ngày mắc oan. (Dòng 1521 – 1522)

Việc khôi phục danh dự cho người vô tội cho thấy công lý được hiểu không chỉ là sự trừng phạt mà còn là quá trình tái lập trật tự đạo đức - pháp lý đã bị phá vỡ.

Đặc biệt, tác phẩm còn trao cho Mai Lương Ngọc quyền lực tư pháp đặc biệt:

Ấn vàng một quả, kiếm vàng một thanh,

Một mình quyền được tiện hành,

Thẳng tay nấy mực, công bình cầm cân.

(Dòng 2436 – 2438)

Đến bản cải dịch:

Tuần dinh kim ấn hành đài bảo đao

Tiện nghi hành sự chưa phần dung tha.

(Dòng 1600 – 1601)

và:

Bao nhiêu dư đảng Lư, Hoàng,

Nghiêm bề chấp pháp chớ đường ân.

(Dòng 1637 – 1638)

Việc trao ấn kiếm cho Mai Lương Ngọc có thể được xem như biểu tượng của sự chuyển giao quyền lực chính trị sang quyền lực pháp lý, nơi lý tưởng trị quốc không còn dựa hoàn toàn vào đạo đức của cá nhân quân vương mà hướng tới việc duy trì kỷ cương bằng công lý và pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể nhận thấy rằng, *Cải dịch Nhị độ mai truyện* tuy vẫn bảo lưu quan niệm truyền thống về Thiên đạo và luật nhân quả của *Nhị độ mai*, nhưng đã có xu hướng nhấn mạnh hơn vai trò của các thiết chế pháp lý trong việc trừng phạt cái Ác và phục hồi trật tự xã hội. Công lý trong tác phẩm không được thực hiện bằng báo thù cá nhân hay bạo lực tự phát mà thông qua một quy trình mang tính pháp chế gồm điều tra, xét xử, lập hồ sơ, tuyên án và thi hành án. Chính sự gia tăng yếu tố pháp lý này đã tạo cho *Cải dịch Nhị độ mai truyện* một sắc thái tư

tưởng riêng, phản ánh nhận thức ngày càng rõ nét hơn về vai trò của pháp luật trong việc duy trì trật tự đạo đức và chính trị của xã hội cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

KẾT LUẬN

Thông qua việc đối chiếu *Cải dịch Nhị độ mai truyện* với *Nhị độ mai*, bài viết cho thấy Đặng Xuân Bảng về cơ bản vẫn kế thừa mô hình nhân vật phản diện truyền thống qua hình tượng Lư Kì và Hoàng Tung, nhưng đã có những điều chỉnh đáng chú ý trong phương thức biểu hiện. So với văn bản nguồn, bản cải dịch gia tăng tính kịch, mở rộng miêu tả tâm lý, đồng thời nhấn mạnh hơn mối quan hệ giữa cái Ác với quyền lực và các thiết chế công quyền.

Nghiên cứu cũng cho thấy cái Ác trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện* không xuất hiện như một biểu hiện đạo đức đơn thuần mà được hợp thức hóa thông qua các diễn ngôn về quyền lực, luật pháp và lợi ích triều đình. Ở chiều ngược lại, quá trình trừng phạt gian thần được đặt trong một quy trình mang tính pháp chế tương đối hoàn chỉnh, từ điều tra, xét xử đến thi hành án và phục hồi công lý. Điều này cho thấy sự gia tăng của ý thức pháp lý và tư duy về trật tự xã hội trong tác phẩm.

Từ trường hợp *Cải dịch Nhị độ mai truyện*, có thể nhận thấy quá trình cải dịch không chỉ là sự tiếp nhận và lặp lại cốt truyện có sẵn, mà còn là sự tái kiến tạo ý nghĩa của văn bản nguồn thông qua những điều chỉnh phù hợp với bối cảnh tư tưởng và mối quan tâm xã hội của Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế trong nhiệm vụ mã số T.26.NV.602.04.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Diễn, N. D., & Thỏ, T. Đ. (2026a). Dấu ấn Hán - Nôm trong cấu trúc ngôn ngữ của *Cải dịch Nhị độ mai*. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Phạm Văn Đồng*.
- Diễn, N. D., & Thỏ, T. Đ. (2026b). Điện tích, điện cổ trong *Cải dịch Nhị độ mai truyện* của Đặng Xuân Bảng: Đặc điểm nghệ thuật và sự cải biến so với *Nhị độ mai*. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nghiên cứu Hán Nôm năm 2026*.

- Diễn, N. D., & Thỏ, T. Đ. (2026c). Hình tượng người phụ nữ trong truyện thơ Nôm Cải dịch Nhị độ mai truyện dưới góc nhìn giới. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết*.
- Diễn, N. D., & Thỏ, T. Đ. (2026d). Khảo sát đặc điểm cấu tạo và giá trị biểu đạt của từ láy trong truyện Nôm Cải dịch Nhị độ mai truyện của Đặng Xuân Bảng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Hòa Bình*.
- Hoàng, C. K., & Hưng, D. V. (2026). Cái ác thể chế trong tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa (trường hợp Tứ thư và Đình Trang mộng). *Tạp chí*

Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 23(5), 1148–1159. <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.5.5594>

- Nhị độ mai truyện 二度梅傳 [Cải dịch Nhị độ mai truyện 改繹二度梅傳]*. (n.d.). [Bản chép tay, Ký hiệu AB.419]. Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam.
- Vô danh thị. (n.d.). *Truyện Nhị độ mai* (Đ. G. T. Thi Nham, Chú thích; In lần thứ 3). Sách giáo khoa Tân Việt.